TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Ông Đào Hoàng Khương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79A/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21A/2022/QĐDS-DT ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) K.

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy H - chức vụ: Phó Giám Đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L - Phòng giao dịch huyện V, tỉnh K.

Bị đơn:

1. Ông Vi Văn N, sinh năm 1951; *có đơn xin vắng mặt*

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1952; *có đơn xin vắng mặt*

Cùng địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày: Ông Vi Văn N và bà Nguyễn Thị P có vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 285.000.000 đồng theo

Hợp đồng tín dụng số 743/16/HĐTD/1009-0953 ngày 28/7/2016, mục đích vay trồng lúa, nuôi tôm, thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 29/7/2017, kỳ hạn trả lãi vay cuối kỳ; kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử đất tọa lạc tại ấp Cạnh Đền 3, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 879171 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 14/11/2003 đứng tên hộ ông bà V. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N chỉ trả được một phần gốc và lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N trả số tiền còn nợ tính đến ngày 29/7/2022 là 426.482.066 đồng (trong đó nợ gốc 165.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả là 58.061.554 đồng; lãi quá hạn gốc là 171.605.963 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp không trả nợ đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Vi Văn N và bà Nguyễn Thị P trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K như phía Ngân hàng trình bày. Có thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Cạnh Đền 3, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 879171 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 14/11/2003 đứng tên hộ ông bà Vi Văn N. Hiện phần đất ông bà đang sử dụng, còn nợ Ngân hàng số tiền là 426.482.066 đồng (trong đó nợ gốc 165.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả là 58.061.554 đồng; lãi quá hạn gốc là 171.605.963 đồng). Nay hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông Vi Văn N, bà Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N, bà P.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng TMCP K và ông N, bà P có ký hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng TMCP K cho ông N, bà P vay tiền với mục đích là vay trồng lúa, nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà P trả nợ không đúng hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà P trả số tiền còn nợ. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc ông N, bà P trả nợ nhưng ông cố tình lẫn tránh, không có thiện chí trả nợ. Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nay đã quá hạn trả nợ gốc, nợ lãi nhưng ông N không thực hiện

trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc ông Vi Văn N và bà Nguyễn Thị P trả cho Ngân hàng TMCP K toàn bộ dư nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử (ngày 29/7/2022) là 426.482.066 đồng (Trong đó lãi trong hạn từ ngày 29/7/2016 đến ngày 30/7/2017 là 31.814.550 đồng; Lãi chậm trả từ ngày 30/7/2017 đến ngày 29/7/2022 là 58.061.554 đồng và Lãi quá hạn gốc tính từ ngày 30/07/2017 đến ngày 29/7/2022 là 171.605.963 đồng).

Đối với yêu cầu xin được trả dần tiền gốc mỗi tháng là 1.500.000 đồng và xin không trả nợ lãi của ông N, bà P không được phía Ngân hàng chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ông N, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Ngay khi phía ông N, bà P trả xong số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP K có trách nhiệm trả lại ông N, bà P toàn bộ giấy tờ thế chấp.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông N, bà P phải chịu án phí là: (400.000.000 đ x 5%) + (26.482.066 đ x 4%) = 21.059.283 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.861.000 đồng theo biên lai thu số 0003509 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Vi Văn N và bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và tiền lãi là

426.482.066 đồng (Trong đó lãi trong hạn từ ngày 29/7/2016 đến ngày 30/7/2017 là 31.814.550 đồng; Lãi chậm trả từ ngày 30/7/2017 đến ngày 29/7/2022 là 58.061.554 đồng và Lãi quá hạn gốc tính từ ngày 30/07/2017 đến ngày 29/7/2022 là 171.605.963 đồng).

Trường hợp, ông N, bà P không trả nợ hoặc không trả đầy đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp số 743/16/HĐTC-BĐS/ 1009-0953 ngày 28/7/2016 là Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Cạnh Đền 3, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang có diện tích là 89.011m^2, thửa đất số 316, 291, 297, 318 tờ bản đồ số 01 để thu hồi nợ.

Ngay khi phía ông N, bà P trả xong số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP K có trách nhiệm trả lại ông N, bà P toàn bộ giấy tờ thế chấp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 743/16/HĐTD/1009-0953 cho đến khi trả xong nợ.

2- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Vi Văn N, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.059.283 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.861.000 đồng đồng theo biên lai thu số 003509 ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm